

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VIỆT YÊN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14 /2020/DS-ST

Ngày 11 tháng 9 năm 2020

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Văn Hợp.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Quang Kim.

2. Ông Hoàng Văn Tấn.

***-Thư ký phiên tòa:*** Bà Chu Thị Minh Nguyệt- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Dương Quỳnh- Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2020/TLST- DS ngày 05 tháng 12 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2020/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2020/QĐST-DS ngày 02/7/2020, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 08/2020/QĐST-DS ngày 02/8/2020, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Anh Đỗ Văn K, sinh năm 1986 – có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Đỗ Văn T, sinh năm 1984 – vắng mặt.

Đều địa chỉ: Khu 2, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

3. *Người làm chứng:* Anh Chu Bá Đ, sinh năm 1979 – vắng mặt

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn xin khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay thể hiện nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn (anh Đỗ Văn K) trình bày: Anh K là chủ cửa hàng điện tử Văn K. Ngày 15/7/2019 anh Đỗ Văn T là người quen cùng nơi sinh sống của anh K có gọi điện thoại cho anh K vào quán cà phê của anh T khảo sát và lắp điều hoà. Sau khi vào khảo sát địa điểm, anh T yêu cầu anh K lắp cho 04 bộ điều hoà. Anh K đã tiến hành lắp đặt cho anh T 01 chiếc điều hòa Erito 12000 BTU và 03 chiếc điều hòa Nagakawa 9000 BTU. Tổng số tiền điều hoà cộng với tiền công lắp đặt, ống đồng, dây điện, ống nước, áp tô mát là 26.920.000 đồng. Sau khi lắp đặt xong anh T đã thanh toán được 4.000.000 đồng, còn lại 22.920.000 đồng đến nay chưa thanh toán. Anh K đã đòi nhiều lần nhưng anh T không trả. Nay anh K khởi kiện yêu cầu anh T phải thanh toán cho anh K số tiền còn nợ là 22.920.000 đồng và không yêu cầu lãi suất.

*Bị đơn (anh Đỗ Văn T) trình bày:* Anh T có mua điều hòa của anh K 04 chiếc điều hòa gồm 01 chiếc Erito 12.000 BTU giá 7.400.000 đồng và 03 chiếc Nagakawa 9000 BTU giá 4.950.000 đồng/chiếc. Theo hóa đơn thì số tiền mua điều hòa và lắp đặt hết 26.920.000 đồng. Anh T đã thanh toán cho anh K số tiền trên làm 2 lần. Lần đầu là sau khi lắp khoảng 02 ngày anh T trả anh K 4.000.000 đồng, không có biên nhận, không có người làm chứng. Lần 2 anh T trả anh K nốt số tiền còn lại sau khoảng 02 tháng, có anh Chu Bá Đ sinh năm 1979 ở thôn Đ, xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang làm chứng, không có biên nhận. Nay anh K khởi kiện yêu cầu anh thanh toán số tiền 22.920.000 đồng anh không đồng ý trả vì anh đã thanh toán hết cho anh K rồi.

*Người làm chứng (anh Chu Bá Đ) trình bày:* Khoảng tháng 6 hoặc tháng 7 năm 2019 anh có đến nhà anh Đỗ Văn T chơi. Tại đây anh có chứng kiến việc anh T đưa cho anh K số tiền là 20.000.000 đồng nhưng không biết là tiền gì, thanh toán hay trả tiền gì. Anh không nhớ mệnh giá các loại tiền. Anh chỉ có quan hệ quen biết với anh T và anh K, không có quan hệ họ hàng.

Tại phiên tòa nguyên đơn là anh K giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu HĐXX buộc anh Đỗ Văn T trả anh K số tiền lắp điều hoà còn nợ là 22.920.000 đồng, không yêu cầu lãi suất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Bị đơn không tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đề nghị HĐXX áp dụng 430, Điều 440 Bộ luật dân sự, Điều 144, Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

Buộc anh Đỗ Văn T phải trả cho anh Đỗ Văn K số tiền là 22.920.000 đồng. Anh T phải chịu án phí DSST, anh K không phải chịu án phí DSST, trả lại tiền tạm ứng án phí cho anh K.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*[1] Về thủ tục tố tụng:*

- *Về đương sự vắng mặt tại phiên tòa:* Bị đơn là anh Đỗ Văn T đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý, Quyết định cung cấp chứng cứ, giấy triệu tập, thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Quyết định tạm ngừng phiên tòa, Thông báo thay đổi ngày mở phiên tòa hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý. Do vậy, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Xét về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Anh Đỗ Văn T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Y, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Việt Yên theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Ngày 19/7/2019 đương lịch anh Khánh và anh T có thoả thuận hợp đồng bằng miệng với nhau về việc anh K bán và lắp đặt cho anh T. Anh K đã tiến hành lắp đặt cho anh T 01 chiếc điều hòa Erito 12000 BTU và 03 chiếc điều hòa Nagakawa 9000 BTU. Theo thoả thuận anh K đã thực hiện việc lắp đặt cho anh T, có hoá đơn bán hàng có chữ ký của anh T nhưng anh T lại không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo thoả thuận nên anh K đã khởi kiện đến Tòa án, đây là “Tranh chấp hợp đồng mua bán” được quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự và khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] *Về nội dung*: Theo hợp đồng thoả thuận bằng miệng và hoá đơn bán hàng ngày 19/7/2019 thể hiện anh K bán cho anh T 04 bộ điều hoà có giá là 26.920.000 đồng. Anh T đã ký xác nhận vào phần khách hàng. Như vậy về mặt thủ tục hợp đồng đã hoàn tất. Theo lời khai của anh K thì anh đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người bán hàng nhưng anh T lại không thực hiện nghĩa vụ thanh toán mặc dù anh đã đòi nhiều lần. Anh T cho rằng sau khi anh K lắp đặt máy điều hòa xong, anh T đã thanh toán cho anh K 02 lần, lần 1 thanh toán được 4.000.000đồng không có biên nhận, lần 2 thanh toán hết có anh Chu Bá Đ là người làm chứng nay không còn nợ đồng nào nữa, nhưng anh T không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ thể hiện đã thanh toán cho anh K. Ngoài ra anh T khai khi thanh toán cho anh K có anh Chu Bá Đ làm chứng, Tòa án đã lấy lời khai anh Đ trình bày chỉ biết anh T trả anh K 20.000.000đồng không biết là tiền gì, thanh toán hay trả tiền gì. Anh không nhớ mệnh giá các loại tiền. Vì vậy không có căn cứ xác định anh T đã trả hết tiền cho anh K mà chỉ căn cứ vào sự thừa nhận của anh K thể hiện anh T đã trả cho anh K được số tiền 4.000.000đồng vào ngày 13/8/2019. Còn lại số tiền 22.920.000đồng cần buộc anh T phải trả cho anh K là có căn cứ phù hợp pháp luật.

Tiền lãi suất: Do anh K không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[3] *Về án phí*: Do yêu cầu khởi kiện của anh K được chấp nhận nên anh K không phải chịu án phí, cần hoàn trả lại anh K tạm ứng án phí đã nộp. Anh T phải chịu án phí là: 22.920.000 đồng x 5% = 1.146.000 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào những nhận định trên, đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ Điều 430, Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015;  
- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, xử:

1. Buộc anh Đỗ Văn T phải trả cho anh Đỗ Văn K số tiền 22.920.000 đồng (*Hai mươi hai triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định

tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Anh Đỗ Văn T phải chịu 1.146.000 đồng (*Một triệu một trăm bốn mươi sáu nghìn đồng nghìn đồng*) án phí DSST.

Hoàn trả anh Đỗ Văn K số tiền 570.000 đồng (*Năm trăm bảy mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2016/0001270 ngày 05/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Việt Yên;
- Chi cục THADS huyện Việt Yên;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Đã ký**

**Vũ Văn Hợp**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**



